

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố

B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà
Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa
- tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1870/2021/TLST-
HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02
năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Q**, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: tổ 19, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: 111/14, tổ 14, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng Đ**, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: tổ 24, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng

Nai.

(Bà Quế và ông Đạt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và
có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
vào năm 2017. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều

mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống. Việc ông Đ yêu cầu hàn gắn đoàn tụ thì bà không đồng ý do tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Nay bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có một con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 27/8/2017. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng Tiến, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà và con đang chung sống tại căn nhà bố mẹ ruột cho tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà làm việc tại Công ty TNHH Hà Lan – Châu Á, với mức lương 9.500.000đ/tháng nên có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Q tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm nên có cãi vã nhau. Vợ chồng không cùng chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Kể từ khi ly thân, hai vợ chồng ít tiếp xúc với nhau. Nay bà Q xin được ly hôn thì ông vẫn còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn để tiếp tục chung sống bù đắp cho những mất mát để trở thành gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Ông và bà Q có một con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 27/8/2017. Hiện tại cháu đang ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà Q, ông Đ không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Q yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 27/8/2017 cho bà Hồ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm thời ông Nguyễn Trọng Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo bà Q, ông Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết
- Về nợ chung: Theo bà Q, ông Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Q phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Hồ Thị Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Đ, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng Tiến, sinh ngày 27/8/2017. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; Bà Hồ Thị Q là nguyên đơn, ông Nguyễn Trọng Đ là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị Q nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trọng Đ có địa chỉ thường trú tại tổ 24, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Q, ông Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Q và ông Nguyễn Trọng Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34/2017 ngày 01/3/2017 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình và lối sống. Nay bà Q xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cũng thừa nhận lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và ít gặp gỡ tiếp xúc với nhau. Ông Đ nhận thấy vẫn còn thương vợ con, không muốn ly hôn, mong muốn cơ hội để hàn gắn để trở thành gia đình hạnh phúc. Tuy vậy nhưng ông Đ không có hành động vun đắp, bồi dưỡng tình cảm vợ chồng, gia đình như ông trình bày. Từ khi ly thân, ông và bà Q cũng ít tiếp xúc gặp gỡ nhau. Trước mong muốn hàn gắn của chồng, bà Q vẫn cương quyết ly hôn vì tình cảm không còn nữa.

Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông Đ. Hai vợ chồng không còn sống chung, có một con chung đang sống với bà Q. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của các đương sự và chứng cứ có không hồ sơ để giải quyết vụ án.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, không thể cưỡng ép. Tuy được Toà án tiến hành hoà giải vận động nhưng bà Q vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông Đ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Q và ông Đ là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q, giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông Đ để trả tự do cho cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà Q và ông Đ có một con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 27/8/2017. Khi ly hôn bà Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ cũng đồng ý để bà Q trực tiếp nuôi dưỡng con, tạm thời, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các bên và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Theo bà Q, ông Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Theo bà Q, ông Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Q. Bà Hồ Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 27/8/2017 cho bà Hồ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm thời ông Nguyễn Trọng Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Q, ông Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Q, ông Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hồ Thị Q phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000331 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP. B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thành Thị Thu Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thành Thị Thu Trang